BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 80/2025/TT-BTC	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc có liên quan đến hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Áp dụng Mẫu và Phụ lục

1. Mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng đối với quy trình chỉ định thầu thông thường quy định tại Điều 79 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

a) Mẫu số 1A được sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu xây lắp;

b) Mẫu số 1B được sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu mua sắm hàng hóa;

c) Mẫu số 1C được sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn;

d) Mẫu số 1D được sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu dịch vụ tư vấn.

Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu quốc tế, gói thầu áp dụng hình thức mua sắm trực tiếp, chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu hồ sơ yêu cầu ban hành kèm theo Thông tư

này cho phù hợp, bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Đối với gói thầu hỗn hợp (EPC, EP, EC, PC) áp dụng hình thức chỉ định thầu, chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu hồ sơ mời thầu gói thầu EPC, EP, EC, PC qua mạng được ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho phù hợp, bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Mẫu báo cáo đánh giá

a) Mẫu số 2A được sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, máy đặt, máy mượn áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 2B được sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, máy đặt, máy mượn áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 2C được sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng.

Việc lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu của gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đề xuất, chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu báo cáo đánh giá ban hành kèm theo Thông tư này cho phù hợp, bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

3. Mẫu báo cáo thẩm định được sử dụng cho đấu thầu qua mạng và đấu thầu không qua mạng, bao gồm

a) Mẫu số 3A được sử dụng để lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu;

b) Mẫu số 3B được sử dụng để lập báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật cho gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, gói thầu áp dụng hình thức chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường;

c) Mẫu số 3C được sử dụng để lập báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Việc lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu của gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu; thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển; thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật cho gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn, gói thầu áp dụng hình thức chào giá trực tuyến, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu báo cáo thẩm định ban hành kèm theo Thông tư này cho phù hợp, bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

4. Mẫu kiểm tra hoạt động đấu thầu

a) Mẫu số 4.1A được sử dụng để lập Kế hoạch kiểm tra định kỳ hoạt động đấu thầu;

b) Mẫu số 4.1B được sử dụng để lập Kế hoạch kiểm tra chi tiết;

c) Mẫu số 4.2 được sử dụng để lập Đề cương báo cáo tình hình thực hiện hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;

d) Mẫu số 4.3 được sử dụng để lập Báo cáo kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;

đ) Mẫu số 4.4 được sử dụng để lập Kết luận kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;

e) Mẫu số 4.5 được sử dụng để lập Báo cáo tình hình thực hiện Kết luận kiểm tra.

5. Mẫu số 5 được sử dụng để lập Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu

6. Các phụ lục

a) Phụ lục 1: Biên bản đóng thầu;

b) Phụ lục 2A: Biên bản mở thầu (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ);

c) Phụ lục 2B: Biên bản mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);

d) Phụ lục 2C: Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);

đ) Phụ lục 3: Quyết định kiểm tra;

e) Phụ lục 4: Thông báo kiểm tra;

g) Phụ lục 5: Biên bản công bố Quyết định kiểm tra;

h) Phụ lục 6: Thông báo kết thúc kiểm tra trực tiếp;

i) Phụ lục 7: Mẫu bản cam kết.

Đối với Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có), Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu áp dụng đấu thầu không qua mạng, chủ đầu tư chỉnh sửa các mẫu tương ứng trong Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC cho phù hợp, bảo đảm không trái quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

7. Đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chỉ định thầu được áp dụng đối với gói thầu xây lắp thuộc dự án, dự toán mua sắm của cùng một chủ đầu tư hoặc chủ đầu tư khác. Gói thầu xây lắp có quy mô, tính chất tương tự với gói thầu trước đó đã tổ chức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế được xác định như sau:

a) Có cùng loại kết cấu và cấp công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng; trường hợp gói thầu xây lắp đã ký hợp đồng trước đó có cấp công trình cao hơn cấp công trình gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng về cấp công trình;

b) Có giá gói thầu không vượt 200% so với giá hợp đồng (bao gồm cả giá trị hợp đồng sau sửa đổi) của gói thầu xây lắp đã ký trong trường hợp chỉ định cho nhà thầu độc lập hoặc nhà thầu liên danh; có giá gói thầu không vượt 200% so với giá trị phần công việc xây dựng đảm nhận của thành viên liên danh trong hợp đồng của gói thầu xây lắp đã ký trong trường hợp chỉ định cho thành viên liên danh đó.

Nhà thầu độc lập hoặc nhà thầu liên danh thực hiện gói thầu xây lắp đã ký hợp đồng trước đó được xem xét áp dụng chỉ định thầu theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP khi đã hoàn thành, được nghiệm thu toàn bộ các công việc xây dựng theo quy định của hợp đồng đã ký. Thành viên liên danh thực hiện gói thầu xây lắp đã ký hợp đồng trước đó được xem xét áp dụng chỉ định thầu theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP khi đã hoàn thành, được nghiệm thu toàn bộ các công việc xây dựng do thành viên liên danh đó đảm nhận theo quy định của hợp đồng đã ký.

8. Trường hợp cần chỉnh sửa nội dung trong Mẫu hồ sơ yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này thì tổ chức, cá nhân thực hiện việc lập, thẩm định (nếu có), phê duyệt hồ sơ yêu cầu phải bảo đảm việc chỉnh sửa là phù hợp với yêu cầu gói thầu và không trái quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ yêu cầu phải nêu rõ các nội dung chỉnh sửa so với quy định trong Mẫu hồ sơ yêu cầu và lý do chỉnh sửa để chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư phải bảo đảm nhà thầu được lựa chọn có năng lực, kinh nghiệm, giải pháp kỹ thuật để thực hiện gói thầu theo tiến độ, chất lượng và các yêu cầu khác quy định trong hồ sơ yêu cầu.

Điều 3. Cơ quan, tổ chức thực hiện báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu

1. Định kỳ hằng năm, Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu trên cả nước.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức khác thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 2 của Luật Đấu thầu báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hằng năm trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc báo cáo bằng văn bản gửi đến Bộ Tài chính trong trường hợp có yêu cầu về bảo mật.

3. Sở Tài chính, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu giúp Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức khác đôn đốc, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hằng năm của chủ đầu tư, bên mời thầu thuộc địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý.

4. Chủ đầu tư, bên mời thầu báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu đến cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều này và được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Điều 4. Thời gian báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu

1. Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý II năm tiếp theo của kỳ báo cáo.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức khác gửi báo cáo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày 01 tháng 02 năm tiếp theo của kỳ báo cáo. Trường hợp thời điểm báo cáo nêu trên trùng với ngày nghỉ hằng tuần hoặc nghỉ lễ theo quy định của pháp luật về lao động thì thời điểm báo cáo là ngày làm việc đầu tiên sau ngày nghỉ hoặc thời điểm nghỉ lễ.

3. Chủ đầu tư, bên mời thầu gửi báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hằng năm theo yêu cầu về thời hạn báo cáo của Sở Tài chính, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với Quyết định kiểm tra hoạt động đấu thầu được ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc kiểm tra thực hiện theo Quyết định đó và quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

2. Đối với hồ sơ yêu cầu được phát hành và đã hết hạn nộp hồ sơ đề xuất trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo hồ sơ yêu cầu đã phát hành, việc ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

3. Đối với các gói thầu đã phát hành hồ sơ yêu cầu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa hết hạn nộp hồ sơ đề xuất thì chủ đầu tư xem xét, quyết định lựa chọn theo một trong hai cách sau đây:

a) Tiếp tục lựa chọn nhà thầu theo hồ sơ yêu cầu đã phát hành theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Sửa đổi hồ sơ yêu cầu để tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Thông tư này.

4. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 12/2022/TT-BKHĐT, Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT chưa lập hồ sơ mời thầu hoặc đã lập, phê duyệt hồ sơ mời thầu có nội dung không phù hợp hoặc trái với quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 6 của Thông tư này nhưng chưa phát hành hồ sơ mời thầu thì phải lập, sửa đổi, phê duyệt lại hồ sơ mời thầu theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BKHĐT, Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT, khoản 3 và khoản 4 Điều 6 của Thông tư này. Đối với gói thầu đã phát hành hồ sơ mời thầu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục lựa chọn nhà thầu theo hồ sơ mời thầu đã phát hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2025.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 23/2024/TT-BKHĐT hết hiệu lực thi hành.

3. Sửa đổi một số nội dung tại Mục 5.3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu thuộc Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BKHĐT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA) và Mục 5.3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu thuộc Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lập hồ sơ mời thầu xây lắp đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA như sau:

a) Thay cụm từ “Sử dụng thang điểm 100 hoặc 1.000” bằng cụm từ “Sử dụng thang điểm T”;

b) Sửa đổi Bước 5 như sau:

“Bước 5. Xác định điểm giá:

Điểm giá được xác định trên cơ sở giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) không bao gồm thuế, phí, lệ phí. Cụ thể như sau:

$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = (G_{\text{thấp nhất}} \times T) / G_{\text{đang xét}}$

Trong đó:

- $\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$: điểm giá của HSĐXTC đang xét;

- $G_{\text{thấp nhất}}$: giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

- $G_{\text{đang xét}}$: giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của HSĐXTC đang xét.

- T: là mức điểm tối đa kỹ thuật.”

4. Bãi bỏ cụm từ “theo thang điểm 100 hoặc 1.000” tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu thuộc Mẫu số 01 và Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp, các tập đoàn kinh tế nhà nước, các tổng công ty nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Tài chính để kịp thời hướng dẫn./.

Nơi nhận: **KT. BỘ TRƯỞNG**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục QLĐT.

THỨ TRƯỞNG
Đã ký
Nguyễn Đức Tâm

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục 1: Biên bản đóng thầu

Phụ lục 2A: Biên bản mở thầu (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

Phụ lục 2B: Biên bản mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Phụ lục 2C: Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Phụ lục 3: Quyết định kiểm tra

Phụ lục 4: Thông báo kiểm tra

Phụ lục 5: Biên bản công bố Quyết định kiểm tra

Phụ lục 6: Thông báo kết thúc kiểm tra trực tiếp

Phụ lục 7: Mẫu bản cam kết

Phụ lục 1 Biên bản đóng thầu

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]
_____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

BIÊN BẢN ĐÓNG THẦU[(1)]

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án/dự toán mua sắm: _____ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].*

II. Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].*

III. Chủ đầu tư và các nhà thầu nộp HSDT:

1. Chủ đầu tư: _____ *[Ghi tên Chủ đầu tư].*

Đại diện là ông/bà: _____[Ghi tên]

Chức vụ: _____[Ghi chức vụ]

2. Danh sách các nhà thầu nộp HSDT tính đến thời điểm đóng thầu:

Stt	Tên nhà thầu	Địa chỉ	Số điện thoại, fax	Tình trạng niêm phong	Ghi chú

3. Các nhà thầu có văn bản đề nghị rút, thay thế, sửa đổi, bổ sung HSDT (nếu có): _____ *[Ghi tên, địa chỉ của nhà thầu].*

B. CÁC THÔNG TIN KHÁC (NẾU CÓ)

Thời điểm đóng thầu: ____ *[Ghi thời điểm đóng thầu]* tại _____*[Ghi địa điểm đóng thầu].*

Chữ ký của Chủ đầu tư _____

[Đại diện Chủ đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có)].

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng cho đấu thầu không qua mạng, trường hợp không cần thiết thì không cần lập mẫu này.

Phụ lục 2A Biên bản mở thầu (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

BIÊN BẢN MỞ THẦU

(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

Lễ mở thầu được bắt đầu vào lúc _____ *[Ghi thời điểm mở thầu]* tại ____ *[Ghi địa điểm mở thầu].*

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án/dự toán mua sắm: _____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*].

II. Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].*

III. Danh sách nhà thầu

1. Các nhà thầu nộp HSDT theo đúng quy định: _____ *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu]*.

2. Các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): _____ *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu]*.

3. Các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT (nếu có): _____ *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT]*.

B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ THẦU

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1.	Văn bản đề nghị rút HSDT (nếu có)			
2.	Tình trạng niêm phong của HSDT trước khi mở			
3.	Bản gốc HSDT			
4.	Số lượng bản chụp HSDT			
5.	Thời gian có hiệu lực của HSDT *(ghi rõ thời gian có hiệu lực của HSDT nêu trong đơn dự thầu)*			
6.	Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu (chưa trừ giá trị giảm giá, nếu có)			
7.	Giảm giá (nếu có)			
8.	Giá dự thầu sau giảm giá			
9.	Giá dự thầu trong bảng tổng hợp giá dự thầu			
10.	Hình thức, giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu (nếu có);			
11.	Thời gian thực hiện gói thầu ghi trong đơn dự thầu			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở thầu (nếu có).

C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

_____ *[Chủ đầu tư điền các thông tin liên quan khác (nếu có)]*.

Bản chụp biên bản mở thầu được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở thầu kết thúc vào: ___ *[Ghi thời điểm kết thúc lễ mở thầu]*

Chữ ký của đại diện *Chủ đầu tư* và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu:

_____

Ghi chú:

Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc các tài liệu sau: đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDT. Việc mở thầu tuân thủ theo quy định của Luật Đấu thầu và quy định pháp luật hiện hành.

Phụ lục 2B Biên bản mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ] **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

_____ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

BIÊN BẢN
MỞ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Lễ mở thầu được bắt đầu vào lúc ***__[Ghi thời điểm mở thầu] tại _*** *[Ghi địa điểm mở thầu]*.

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án/dự toán mua sắm: _____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*].

II. Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo KHLCNT]*.

III. Danh sách nhà thầu

1. Các nhà thầu nộp HSDT theo đúng quy định: _____ *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu]*.

2. Các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): **_____** *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu]*.

3. Các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT (nếu có): **_____** *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT]*.

B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ HSĐXKT

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Văn bản đề nghị rút HSDT (nếu có)			
2	Tình trạng niêm phong của HSDT trước khi mở			
3	Bản gốc HSĐXKT			
4	Số lượng bản chụp HSĐXKT			
5	Thời gian có hiệu lực của HSĐXKT *(ghi rõ thời gian có hiệu lực của HSĐXKT nêu trong đơn dự thầu)*			
6	Hình thức, giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu (nếu có)			
7	Thời gian thực hiện gói thầu ghi trong đơn dự thầu			
8	Tình trạng niêm phong của HSĐXTC			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở HSĐXKT (nếu có).

C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

_____ *[Chủ đầu tư điền các thông tin liên quan khác (nếu có)]*.

Bản chụp biên bản mở thầu được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở HSĐXKT kết thúc vào: ___ *[Ghi thời điểm kết thúc lễ mở HSĐXKT]*.

Chữ ký của đại diện *Chủ đầu tư* và các nhà thầu tham dự lễ mở HSĐXKT: _____

Ghi chú:

Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc các tài liệu sau: đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung quan trọng của từng HSĐXKT.

HSĐXTC của tất cả các nhà thầu phải được Chủ đầu tư niêm phong trong một túi riêng biệt và được đại diện của Chủ đầu tư, nhà thầu tham dự lễ mở thầu ký niêm phong.

Việc mở HSĐXKT tuân thủ theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định 214/2025/NĐ-CP và HSMT

Phụ lục 2C Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____
	....., ngày ..... tháng ..... năm .....

BIÊN BẢN
MỞ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH

(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Lễ mở HSĐXTC được bắt đầu vào lúc ***__[Ghi thời điểm mở HSĐXTC] tại _*** *[Ghi địa điểm mở HSĐXTC].*

A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án/dự toán mua sắm: _____ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].*

II. Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].*

III. Danh sách nhà thầu tham dự:_____ *[Ghi tên các nhà thầu].*

B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ HSĐXTC

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Tình trạng niêm phong của HSĐXTC			
2	Điểm kỹ thuật của các HSDT được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật			
3	Bản gốc HSĐXTC			
4	Số lượng bản chụp HSĐXTC			
5	Đơn dự thầu thuộc HSĐXTC			
6	Thời gian có hiệu lực của HSĐXTC			
7	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu chưa trừ giá trị giảm giá, nếu có)			
8	Giá trị giảm giá (nếu có)			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở HSĐXTC (nếu có).

C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

_____ [Chủ đầu tư điền các thông tin liên quan khác (nếu có)].

Bản chụp biên bản mở HSĐXTC được gửi đến tất cả các bên tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở HSĐXTC kết thúc vào: ___ *[Ghi thời điểm kết thúc lễ mở HSĐXTC]*.

Chữ ký của đại diện *Chủ đầu tư* và các nhà thầu tham dự lễ mở HSĐXTC:_____

Ghi chú:

Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào tất cả các trang bản gốc của HSĐXTC.

Phụ lục 3 Quyết định kiểm tra

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____	*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiểm tra……[1] tại ……..…[2]

[NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA]

Căn cứ.....[nêu các căn cứ để thực hiện kiểm tra];

Xét đề nghị của…… [ghi chức danh người đứng đầu đơn vị thực hiện kiểm tra];

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra……[1] tại……[2] gồm các thành viên sau:

1. Ông (Bà) ....., Trưởng đoàn;

2. Ông (Bà) ....., Phó Trưởng đoàn;

3. Ông (Bà) ....., Thư ký đoàn;

4. Ông (Bà) ....., Thành viên;

5. ……..

Điều 2. Mục đích, nội dung và phạm vi, đối tượng kiểm tra

1. Mục đích kiểm tra: …

2. Nội dung và phạm vi kiểm tra: ...

3. Đối tượng kiểm tra: …

Điều 3. Thời gian kiểm tra

1. Dự kiến thời gian kiểm tra: ...

2. Thời gian hoàn thành Báo cáo kiểm tra và Kết luận kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 128 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch kiểm tra chi tiết, tiến hành theo đúng mục đích, nội dung, tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định.

2. Trưởng đoàn và các thành viên Đoàn kiểm tra thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

3. Đoàn kiểm tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ và Kết luận kiểm tra được phê duyệt.

4. Nội dung khác (nếu cần thiết).

Điều 5. Kinh phí hoạt động của Đoàn kiểm tra

[Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 128 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.]

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 và *[cá nhân có liên quan]* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: [Ghi nơi nhận]	**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA** *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

[1] Ghi nội dung hoạt động đấu thầu được kiểm tra.

[2] Ghi tên đơn vị được kiểm tra.

Phụ lục 4 Thông báo kiểm tra

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA HOẶC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN KIỂM TRA _____ Số: .... V/v kiểm tra ……[3]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____ *....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

Kính gửi: ……_[2]

Căn cứ …… *[Nêu các căn cứ để thực hiện kiểm tra]*;

……[3] thông báo tới đơn vị được kiểm tra về việc kiểm tra ……[1] (kèm theo Kế hoạch kiểm tra chi tiết) và đề nghị đơn vị được kiểm tra phối hợp với Đoàn kiểm tra để thực hiện việc kiểm tra theo các nội dung sau:

1. Báo cáo bằng văn bản theo các nội dung yêu cầu tại Kế hoạch kiểm tra chi tiết.

2. Tổ chức cuộc họp giữa Đoàn kiểm tra với đơn vị được kiểm tra để công bố Quyết định kiểm tra vào ...[4]

3. Các đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan phục vụ việc kiểm tra.

Đề nghị đơn vị được kiểm tra hỗ trợ và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:	**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA**

[Ghi nơi nhận]

HOẶC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN KIỂM TRA
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Phụ lục 5 Biên bản công bố Quyết định kiểm tra

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA HOẶC **Đoàn kiểm tra ...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

BIÊN BẢN
Công bố Quyết định kiểm tra

[Ghi thời gian, địa điểm công bố Quyết định], Đoàn kiểm tra thực hiện công bố Quyết định kiểm tra .....[4] như sau:

I. THÀNH PHẦN

1. Đoàn kiểm tra:

- Ông (Bà) ....., Trưởng đoàn;

- Ông (Bà) ....., Phó trưởng đoàn;

Cùng các thành viên Đoàn kiểm tra theo thành lập theo Quyết định số.....ngày.....của .....

2. Đại diện đơn vị được kiểm tra:

- Ông (Bà) . ....., Chức vụ: .....

3. Đại diện lãnh đạo các chủ đầu tư/ban quản lý dự án.....thuộc đơn vị được kiểm tra.

4. Đại diện tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).

II. NỘI DUNG

[Ghi nội dung trong Hội nghị công bố Quyết định]

Việc công bố Quyết định kiểm tra kết thúc vào ..... *[ghi thời gian kết thúc Hội nghị]*.

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA *(Ký và ghi rõ họ tên)*	**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA** *(Ký và ghi rõ họ tên)*

Phụ lục 6 Thông báo kết thúc kiểm tra trực tiếp

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA HOẶC **Đoàn kiểm tra ...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO
Về việc kết thúc kiểm tra trực tiếp tại .....[1]

Kính gửi: .....[1]

Thực hiện Quyết định kiểm tra ..... *[nêu số, ký hiệu, ngày ký Quyết định, chức danh người ký Quyết định và nội dung hoạt động đấu thầu được kiểm tra]*, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....[6] tại ……[1].

[Ghi các nội dung chính có liên quan về việc thông báo kết thúc kiểm tra trực tiếp như: việc đánh giá sơ bộ của Đoàn kiểm tra, việc cung cấp tài liệu và phối hợp trong việc xây dựng dự thảo Báo cáo kiểm tra,…]

Đoàn kiểm tra thông báo đến….....[1] để biết.

- [Ghi nơi nhận]; *- Lưu hồ sơ Đoàn kiểm tra.*	**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA** *(Ký và ghi rõ họ tên)*

[1] Ghi tên đơn vị được kiểm tra.

[2] Ghi cụ thể thời gian thực hiện kiểm tra.

Phụ lục 7 Mẫu bản cam kết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

BẢN CAM KẾT

Tôi tên là: _____*[Ghi tên thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định]*

Địa chỉ:__*[Ghi rõ địa chỉ]*

Số CCCD/Hộ chiếu:__[Ghi số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, cơ quan cấp]_

Là thành viên tham gia thẩm định__**[Ghi nội dung thẩm định, ví dụ: hồ sơ mời quan tâm/hồ sơ mời sơ tuyển/hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu;_** ***danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm/kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển/kết quả lựa chọn nhà thầu]*** **gói thầu** ***[Ghi tên gói thầu]*** **thuộc dự án***[Ghi tên dự án]* theo ___ *[ghi rõ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc được giao hoặc hợp đồng thuê tư vấn]*.

Tôi cam kết như sau:

- Đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Thẩm định__ *[Ghi nội dung thẩm định, ví dụ: hồ sơ mời quan tâm/hồ sơ mời sơ tuyển/hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu; danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm/kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển/kết quả lựa chọn nhà thầu]* trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên.

- Chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 81 Luật Đấu thầu.

Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Người cam kết

(Ký và ghi rõ họ tên)